ARCHIVAL EVIDENCE

Why Vietnamese archives matter

Archival Records at National Archives Center III on the Use of Chemical Agents during the Vietnam War: Value and Accessibility

Vu Thi Phung · Vu Dinh Phong · Nguyen Van Ngoc

Presented by Vu Dinh Phong, Ph.D | 15 October 2026







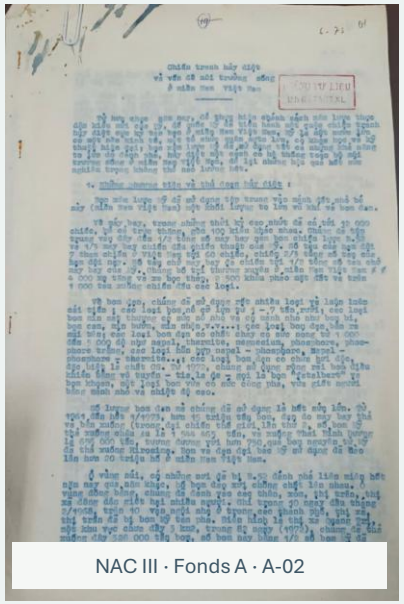

NAC III · Fonds A · A-02

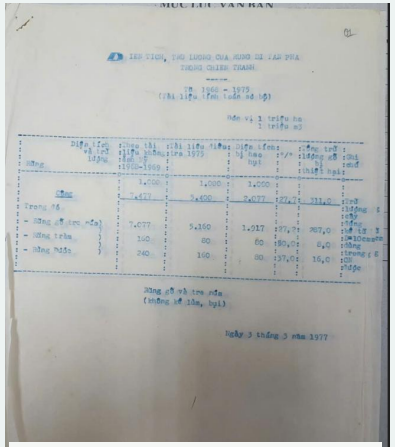

NAC III · Fonds A · A-03

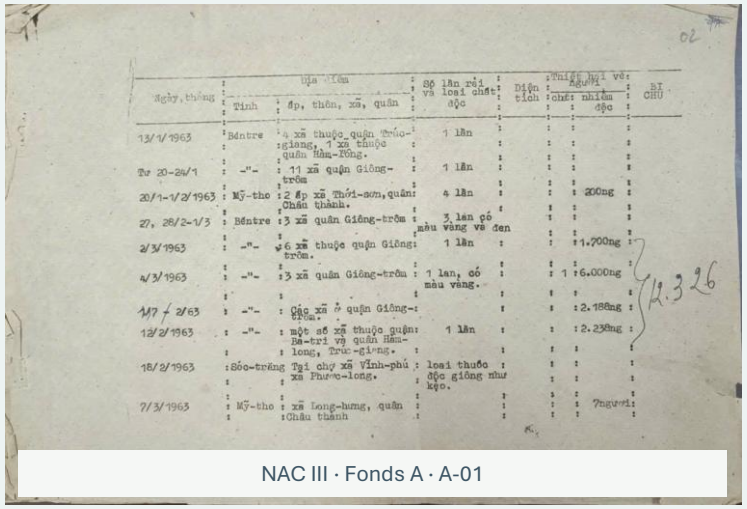

Ngày, tháng	Địa điểm: Tỉnh	Địa điểm: Ấp, thôn, xã, quận	Số lần rải và loại chất độc	Diện tích	Thiệt hại về người: Chết	Thiệt hại về người: nhiễm độc	Ghi chú
13/1/1963	Bến tre	4 xã thuộc quận Trúc-giang, 1 xã thuộc quận Hàm-Tông.	1 lần				
Từ 20-28/1	-"-	11 xã quận Giồng-trôm	1 lần				
20/1-1/2/1963	Mỹ-tho	2 ấp xã Thới-sơn, quận Châu thành.	4 lần				200kg
27, 28/2-1/3	Bến tre	3 xã quận Giồng-trôm	3 lần có màu vàng và đen				
2/3/1963	-"-	6 xã thuộc quận Giồng-trôm.	1 lần				1.700kg
4/3/1963	-"-	3 xã quận Giồng-trôm	1 lần, có màu vàng.			1	6.000kg
1/7 + 2/63	-"-	Các xã ở quận Giồng-trôm.					2.188kg
12/2/1963	-"-	một số xã thuộc quận Ba-tri và quận Hàm-long, Trúc-giang.	1 lần				2.238kg
18/2/1963	Sóc-trăng	Tại chợ xã Vĩnh-phú xã Phước-long.	loại thuốc độc giống như kẹo.				
7/3/1963	Mỹ-tho	xã Long-hưng, quận Châu thành					7kg vải

NAC III · Fonds A · A-01

Appendix Figures 3, 4 and 2 (respectively) · Coded fonds/file references

Archival records are evidence, not merely information

INFORMATIONAL VALUE

What a record tells us

- Dates, places, chemical agents and reported effects
- Statements, observations and historical figures

EVIDENTIAL VALUE

What a record proves about record-making

- Which agency investigated or documented an issue
- How information was classified, reported and acted upon

Source criticism is essential: an archival statement documents what was recorded; it does not automatically establish scientific causation.

What has been studied, and which sources are less visible?

01 **MILITARY OPERATIONS**

U.S. military records reconstruct where and when herbicides were sprayed.

Stellman et al. (2003); Young (2009)

02 **ENVIRONMENT & HEALTH**

Laboratory samples, environmental surveys and population data investigate consequences.

Schecter et al. (1995); Dwernychuk et al. (2002); Le et al. (2022)

03 **SCIENCE & POLICY**

U.S. archival collections document scientific controversy, institutions and policy debates.

Zierler (2011); Martini (2012)

LESS VISIBLE

Records created and preserved in Vietnam

These sources appear only to a limited extent in the studies reviewed, not entirely absent.

Research contribution: add a distinct evidentiary layer, not replace established military or scientific datasets.

03 / VIETNAM'S HISTORICAL ARCHIVES

Where does National Archives Center III fit?

2024 LAW ON ARCHIVES

A two-level historical archives system

CENTRAL LEVEL

5 National Archives Centers

PROVINCIAL LEVEL

Historical archives under provincial jurisdiction

FOCUS OF THIS STUDY

National Archives Center III · Hanoi
Important records created by central state agencies since the August Revolution of 1945.

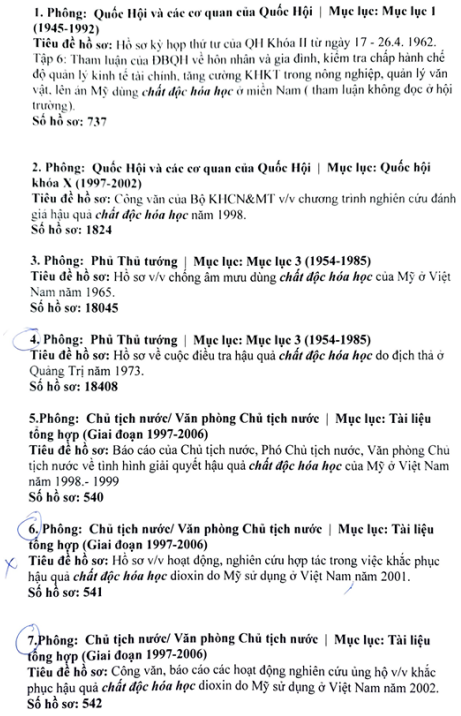

1. Phông: Quốc Hội và các cơ quan của Quốc Hội | Mục lục: Mục lục 1 (1945-1992)
Tiêu đề hồ sơ: Hồ sơ kỳ họp thứ tư của QH Khóa II từ ngày 17 - 26.4. 1962. Tập 6: Tham luận của ĐBQH về hôn nhân và gia đình, kiểm tra chấp hành chế độ quản lý kinh tế tài chính, tăng cường KHKT trong nông nghiệp, quản lý văn vật, lên án Mỹ dùng ***chất độc hóa học*** ở miền Nam (tham luận không đọc ở hội trường).
Số hồ sơ: 737

2. Phông: Quốc Hội và các cơ quan của Quốc Hội | Mục lục: Quốc hội khóa X (1997-2002)
Tiêu đề hồ sơ: Công văn của Bộ KHCN&MT v/v chương trình nghiên cứu đánh giá hậu quả ***chất độc hóa học*** năm 1998.
Số hồ sơ: 1824

3. Phông: Phủ Thủ tướng | Mục lục: Mục lục 3 (1954-1985)
Tiêu đề hồ sơ: Hồ sơ v/v chống âm mưu dùng ***chất độc hóa học*** của Mỹ ở Việt Nam năm 1965.
Số hồ sơ: 18045

4. Phông: Phủ Thủ tướng | Mục lục: Mục lục 3 (1954-1985)
Tiêu đề hồ sơ: Hồ sơ về cuộc điều tra hậu quả ***chất độc hóa học*** do địch thả ở Quảng Trị năm 1973.
Số hồ sơ: 18408

5.Phông: Chủ tịch nước/ Văn phòng Chủ tịch nước | Mục lục: Tài liệu tổng hợp (Giai đoạn 1997-2006)
Tiêu đề hồ sơ: Báo cáo của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước về tình hình giải quyết hậu quả ***chất độc hóa học*** của Mỹ ở Việt Nam năm 1998.- 1999
Số hồ sơ: 540

6. Phông: Chủ tịch nước/ Văn phòng Chủ tịch nước | Mục lục: Tài liệu tổng hợp (Giai đoạn 1997-2006)
Tiêu đề hồ sơ: Hồ sơ v/v hoạt động, nghiên cứu hợp tác trong việc khắc phục hậu quả ***chất độc hóa học*** dioxin do Mỹ sử dụng ở Việt Nam năm 2001.
Số hồ sơ: 541

7.Phông: Chủ tịch nước/ Văn phòng Chủ tịch nước | Mục lục: Tài liệu tổng hợp (Giai đoạn 1997-2006)
Tiêu đề hồ sơ: Công văn, báo cáo các hoạt động nghiên cứu ủng hộ v/v khắc phục hậu quả ***chất độc hóa học*** dioxin do Mỹ sử dụng ở Việt Nam năm 2002.
Số hồ sơ: 542

NAC III, Appendix Fig. 1 · Files 737, 1824, 18045, 18408, 540–542

8. Phông: Chủ tịch nước/ Văn phòng Chủ tịch nước | Mục lục: Tài liệu tổng hợp (Giai đoạn 1997-2006)
Tiêu đề hồ sơ: Công văn, báo cáo các hoạt động nghiên cứu ủng hộ v/v khắc phục hậu quả ***chất độc hóa học*** dioxin do Mỹ sử dụng ở Việt Nam năm 2003.
Số hồ sơ: 543

9. Phông: Chủ tịch nước/ Văn phòng Chủ tịch nước | Mục lục: Tài liệu tổng hợp (Giai đoạn 1997-2006)
Tiêu đề hồ sơ: Công văn, báo cáo các hoạt động nghiên cứu ủng hộ v/v khắc phục hậu quả ***chất độc hóa học*** dioxin do Mỹ sử dụng ở Việt Nam năm 2004.
Số hồ sơ: 544

10. Phông: Văn phòng Chính phủ | Mục lục: Mục lục 2 (Giai đoạn 1957 - 1995)
Tiêu đề hồ sơ: Hồ sơ về đưa trẻ em bị dị chứng ***chất độc hóa học*** sang CHLB Đức điều trị năm 1992.
Số hồ sơ: 8953

11. Phông: Văn phòng Chính phủ | Mục lục: Mục lục 2 (Giai đoạn 1957 - 1995)
Tiêu đề hồ sơ: Thông báo của Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh về xử lý hậu quả ***chất độc hóa học*** Mỹ dùng trong chiến tranh Việt Nam năm 1994.
Số hồ sơ: 9250

12. Phông: Văn phòng Chính phủ | Mục lục: Mục lục 4 (Giai đoạn 1960-2002)
Tiêu đề hồ sơ: Báo cáo của VPCP về tình hình hậu quả của ***chất độc hóa học*** màu da cam và các biện pháp khắc phục năm 1997.
Số hồ sơ: 2006

13. Phông: Văn phòng Chính phủ | Mục lục: Mục lục 4 (Giai đoạn 1960-2002)
Tiêu đề hồ sơ: Hồ sơ v/v góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ Bảo trợ những người bị hậu quả ***chất độc hóa học*** do chiến tranh, phân công nhiệm vụ trong công tác phòng chống ma tuý năm 1997.
Số hồ sơ: 2197

14. Phông: Văn phòng Chính phủ | Mục lục: Mục lục 4 (Giai đoạn 1960-2002)
Tiêu đề hồ sơ: Hồ sơ v/v xử lý ***chất độc hóa học*** còn tồn lưu tại tỉnh Gia Lai năm 1998.
Số hồ sơ: 2290

NAC III, Appendix Fig. 1 · Files 543–544, 8953, 9250, 2006, 2197, 2290

National Archives Center III: from finding aids to evidence

1 **IDENTIFY**
Search fonds and file titles, including older terminology and records dispersed across agencies.

2 **EXAMINE**
Read selected representative files; a file title rarely describes every document it contains.

3 **ASSESS**
Record provenance, creating agency, date, information structure, context and conditions of use.

SURVEY FINDINGS

Dozens of relevant files identified

Distributed across multiple fonds. Two fonds are coded here as A and B under the repository’s conditions of use.

05 / WHAT THE RECORDS CONTAIN

Four complementary groups of archival sources

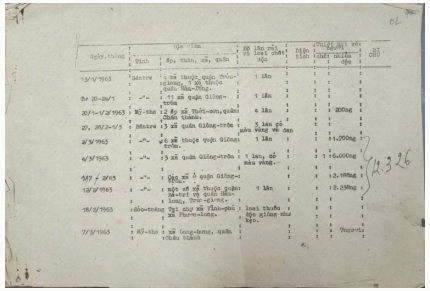

01

WARTIME OPERATIONS

Time, location, methods, types of agents and reported impacts.

NAC III · coded Fonds A, File A-01
Appendix Figure 2

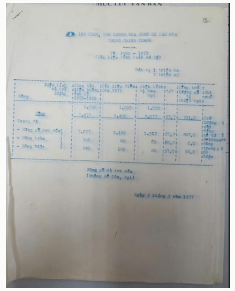

02

ENVIRONMENT

Forests, vegetation, crops, land and damage assessments.

NAC III · coded Fonds A, File A-03
Appendix Figure 4

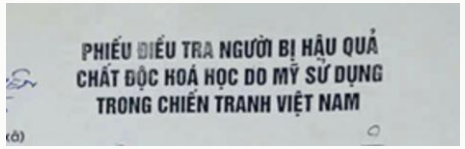

03

PEOPLE & HEALTH

Standardised household and health investigations after the war.

NAC III · coded Fonds B, File B-01
Appendix Figure 5 · title only



04

SCIENCE & RESPONSE

Research cooperation, policy decisions and humanitarian action.

NAC III · Government Office Fonds
File 1583, fols. 59–60 · Fig. 6

06 / SOURCE EXAMPLE 1

Wartime tables: when, where, and how an event was recorded

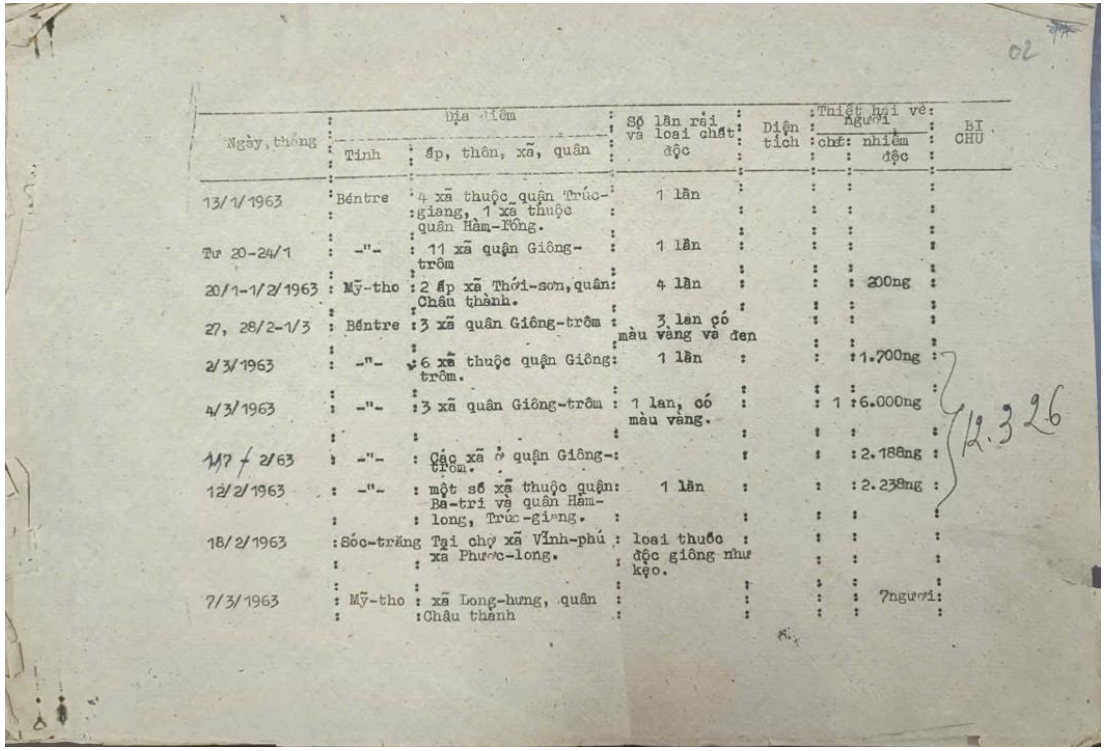

Ngày, tháng	Địa điểm: Tỉnh	Địa điểm: ấp, thôn, xã, quận	Số lần rải và loại chất độc	Diện tích	Thiệt hại về người: chết	Thiệt hại về người: nhiễm độc	BI CHÚ
13/1/1963	Béntre	4 xã thuộc quận Trúc-giang, 1 xã thuộc quận Hàm-Tống.	1 lần				
Tư 20-24/1	-"-	11 xã quận Giồng-trôm	1 lần				
20/1-1/2/1963	Mỹ-tho	2 ấp xã Thới-sơn, quận Châu thành.	4 lần			200ng	
27, 28/2-1/3	Béntre	3 xã quận Giồng-trôm	3 lần có màu vàng và đen				
2/3/1963	-"-	6 xã thuộc quận Giồng-trôm.	1 lần			1.700ng	
4/3/1963	-"-	3 xã quận Giồng-trôm	1 lần, có màu vàng.		1	6.000ng	
1/7 + 2/63	-"-	Các xã ở quận Giồng-trôm.				2.188ng	
12/2/1963	-"-	một số xã thuộc quận Ba-tri và quận Hàm-long, Trúc-giang.	1 lần			2.238ng	
18/2/1963	Sóc-trăng	Tại chợ xã Vĩnh-phú xã Phước-long.	loại thuốc độc giống như kẹo.				
7/3/1963	Mỹ-tho	xã Long-hưng, quận Châu thành				7người	

12.326

SOURCE · NAC III · coded Fonds A · File A-01 · Appendix Figure 2

A repeatable information structure

- Date and locality: province, district, commune or hamlet
- Number of recorded dispersal events; substance when recorded
- Reported impacts, including crop damage and human casualties

Recorded reports ≠ independently verified totals

07 / SOURCE EXAMPLE 2

Environmental records: narrative accounts and quantitative tables

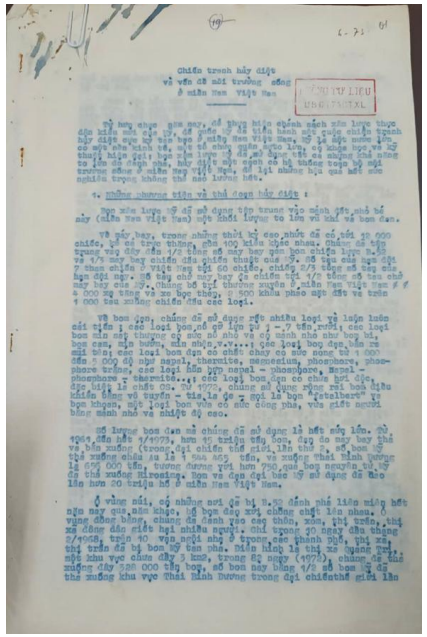

NAC III · coded Fonds A, File A-02
1973 record · Appendix Figure 3

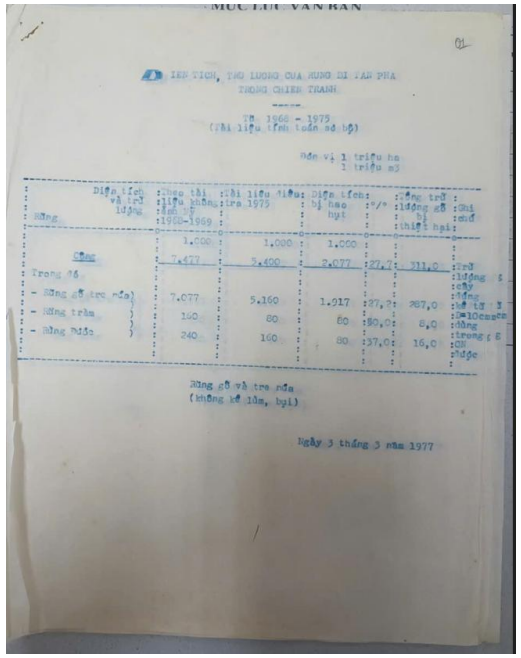

NAC III · coded Fonds A, File A-03
1977 table · Appendix Figure 4

TWO DIFFERENT EVIDENCE FORMS

Descriptive records

Historical accounts of environmental destruction, vegetation and the living environment.

Statistical records

Preliminary calculations by forest type and estimated area or growing-stock loss.

Quantities require source-context and methodological checks.

08 / SOURCE EXAMPLE 3

Postwar surveys reveal how human consequences were investigated

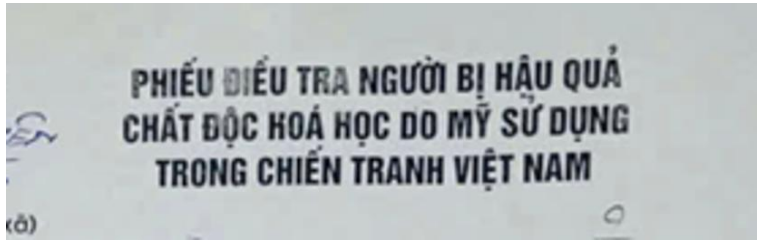

NAC III · coded Fonds B, File B-01
Appendix Figure 5 · form title only

The original files contain sensitive individual and health information. This presentation reproduces no personal responses.

Two selected 1999 survey files

493 forms
Long Xuyen · B-01

677 forms
Yen Bai · B-02

Recorded categories

Residence and work history; self-reported health conditions; reproductive history; children; work capacity; assistance received.

These are counts of forms, not disease prevalence estimates or causal findings.

09 / SOURCE EXAMPLE 4

From scientific concern to organised postwar response

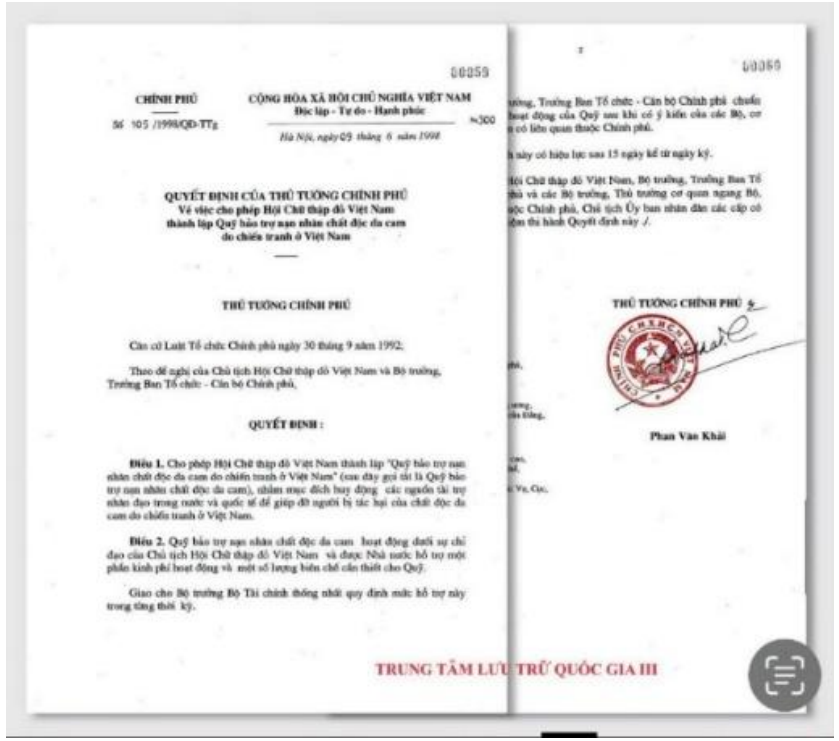

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105 /1998/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc cho phép Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thành lập Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam do chiến tranh ở Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Cho phép Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thành lập "Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam do chiến tranh ở Việt Nam" (sau đây gọi tắt là Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam), nhằm mục đích huy động các nguồn tài trợ nhân đạo trong nước và quốc tế để giúp đỡ người bị tác hại của chất độc da cam do chiến tranh ở Việt Nam.

Điều 2. Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam hoạt động dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và được Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động và một số lượng biên chế cần thiết cho Quỹ.

Giao cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất quy định mức hỗ trợ này trong từng thời kỳ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III

NAC III · Government Office Fonds · File 1583, fols. 59–60
Decision 105/1998/QĐ-TTg · Appendix Figure 6

Records follow changing institutional responses

1983 Research cooperation with the Soviet Union on chemical-warfare consequences (File 12777).

1998 Prime Ministerial Decision 105/1998 authorised an Agent Orange victim-support fund.

1999 Standardised surveys documented how investigators classified health and social conditions.

10 / THE RESEARCH CONTRIBUTION

Connecting different source systems without losing context

INTERNATIONAL SOURCES

Operational and scientific evidence

- Military records and spraying datasets
- Field, laboratory and public-health studies

VIETNAMESE ARCHIVAL SOURCES

Administrative and institutional evidence

- Reports, historical tables and investigation forms
- Scientific cooperation and policy responses

Compare place · date · creating agency · categories · source quality · uncertainty

11 / DISCOVERY & ACCESS

Research value depends on what scholars can actually use

01 DISCOVER

Relevant records are distributed across fonds; file descriptions use varied historical terms.

02 ACCESS

Conditional-access lists and permission procedures apply to some files.

03 INTERPRET

Assess provenance, methods of recording, omissions and source reliability.

04 PUBLISH

Access or digitisation does not automatically authorise disclosure, especially of health data.

Legal context: Law on Archives 2024 · Decree 113/2025 · Circular 06/2025 · Decision 523/2026

12 / DISCUSSION

Discussion: three open questions for research

1	**Why are Vietnamese archival sources still underused?**	Relevant records are dispersed across fonds and described in different ways. What makes them easier to find?
2	**How should different source systems be assessed together?**	Compare provenance, purposes, similarities, differences and gaps, not which archive is “more correct”.
3	**How can access and research use be improved?**	Improve finding aids and responsible source linkage; test GIS and data methods while protecting personal information.

NEXT QUESTION

Which evidence gap could become a feasible international research pilot?

13 / CONCLUSIONS & NEXT STEP

From underused archives to collaborative research

1	**An additional evidentiary layer**	Vietnamese-held records broaden research beyond military datasets and laboratory findings.
2	**A history of evidence-making**	These archives show how effects were reported, investigated, categorised and addressed.
3	**A responsible research infrastructure**	New analyses require provenance, comparison, access clearance and protection of personal information.

A feasible next step: **A provenance-aware pilot linking selected Vietnamese records with international historical datasets.**


Thank
You!